TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2025/DS-ST
Ngày : 17.4.2025
V/v: *"Tranh chấp về hụi (họ, huê)"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Xuân Quý**
2. Bà **Lê Thị Sáu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Lĩnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 168A/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về *"Tranh chấp về hụi (họ)"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 9, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970, ông **Võ Ngọc T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 8B, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà C có mặt; bà M, ông T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2023, nộp ngày 15/5/2024, khởi kiện bổ sung ngày 19/6/2024, ngày 25/7/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C thừa nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bà Nguyễn Thị M, ông Võ Ngọc T, ông T là con ruột bà M. Hai bên có quên biết đã lâu do cư trú cùng xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Do tin tưởng nên bà C có cho bà M, ông T tham gia chơi hụi (họ, huê) do bà C làm chủ hụi, cụ thể gồm có dây hụi mở ngày 20/5/2022 âm lịch và dây hụi mở ngày 10/3/2023 âm lịch. Tuy nhiên sau khi hốt chết, đã chồng tiền cho bà M, ông T nhưng đến nay bà M, ông T không đóng hụi, bỏ đi khỏi địa

phương. Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bà M, ông T cụ thể như sau:

+ Buộc bà M, ông T phải có nghĩa vụ trả tiền hụi (huê) đã hốt chết đối với dây hụi 20/5/2022 âm lịch gồm: 08 chân chết x 10.000.000 đồng/chân= 80.000.000 đồng, 18 chân sống x 7.300.000 đồng/chân (bỏ hụi 2.700.000 đồng)= 131.400.000 đồng, cộng 211.400.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 3.000.000 đồng, giao cho bà M, ông T số tiền là 208.400.000 đồng. Dây này bà M, ông T đóng tiếp được 04 tháng sau khi hốt số tiền là 40.000.000 đồng. Bà C đồng ý trừ vào tiền gốc cho bà M, ông T đã hốt, còn lại yêu cầu trả số tiền là 168.400.000 đồng.

+ Buộc bà M, ông T phải có nghĩa vụ trả tiền hụi (huê) đã hốt chết của dây hụi mở ngày 10/3/2023 âm lịch gồm: 01chân chết x 10.000.000 đồng/chân= 10.000.000 đồng, 20 chân sống x 6.740.000 đồng/chân (bỏ huê 3.360.000 đồng)= 134.800.000 đồng, cộng 144.800.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 3.000.000 đồng, đã giao cho bà M, ông T số tiền là 141.800.000 đồng.

Tổng số tiền hụi (huê) gốc bà C yêu cầu bà M, ông T có nghĩa vụ trả là 310.200.000 đồng, bà M trả ½, ông T trả ½. Bà C không yêu cầu bà M, ông T trả lãi.

Về việc bà M trình bày cấn trừ nợ hụi của dây hụi mở ngày 10/3/2023 âm lịch cho bà Nguyễn Thị B- thôn 9, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và bà B chuyển hụi cho bà C là không đúng sự thật, bà C không nhận cấn trừ tiền hụi từ bà B, bà không có thỏa thuận nào về sự việc này. Đối với dây hụi mở ngày 20/5/2022 âm lịch bà M cho rằng còn nợ bà C 35.000.000 đồng là không đúng, thực tế bà M chỉ đóng được 04 tháng tiếp theo sau khi hốt chết với số tiền là 40.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 23/12/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Bà M thừa nhận mối quan hệ như bà C trình bày là đúng. Về sự việc bà M có tham gia chơi hụi (huê) do bà C làm chủ hụi của 02 dây hụi như bà C trình bày là đúng. Bà M là người trực tiếp chơi hụi, hốt hụi và đóng hụi cho bà C, còn ông T (con bà M) không liên quan gì. Tuy nhiên khi hốt hụi bà C yêu cầu ông T ký tên. Ông T không sử dụng số tiền hụi này mà chỉ có bà M sử dụng cá nhân. Về các giấy giao tiền hụi (huê) ngày 20/5/2022 âm lịch và ngày 10/3/2023 âm lịch, bà M thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên "Nguyễn Thị M" là của bà M. Bà M đã nhận số tiền như trong 02 giấy giao tiền huê (hụi) là đúng. Cụ thể dây huê ngày mở 20/5/2022 bà M nhận 208.400.000 đồng, dây huê mở ngày 10/3/2023 âm lịch nhận 141.800.000 đồng.

Tuy nhiên bà M cho rằng bà đã thực hiện việc đóng huê, trả huê cho bà C như sau:

Dây huê ngày 10/3/2023 âm lịch: gồm 22 người chơi huê, bà M hốt và được bà C giao số tiền 141.800.000 đồng là đúng. Sau khi hốt chết thì bà M đã tiếp tục đóng huê cho bà C được 03 tháng với số tiền 30 triệu đồng (đến tháng 6/2023), sau đó giữa bà với bà C có thỏa thuận cấn trừ sang cho bà Tự (Nguyễn Thị B- Thôn 9, xã LT, huyện B) vì bà Tự có nợ huê do bà M làm chủ (đã hốt huê). Sau khi cấn trừ

thì bà Tự có Th nhiệm đóng huê cho bà C thay bà cho đến khi kết thúc dây huê là xong.

Dây huê ngày 20/5/2022 âm lịch: Gồm 27 người chơi huê, bà M hốt chết và được bà C giao số tiền là 208.400.000 đồng là đúng. Bà đóng huê cho bà C gần kết thúc (cho đến khi bà M vỡ nợ) thì không đóng được nữa. Số tiền đóng cho bà C khi thì bằng tiền mặt, khi thì chuyển khoản, còn lại 04 tháng chưa đóng, bà trả thêm được số tiền mặt 5.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 35.000.000 đồng.

Như vậy 02 dây huê trên bà M khẳng định chỉ còn nợ bà C số tiền là 35.000.000 đồng. Bà M chỉ đồng ý trả số tiền 35.000.000 đồng cho bà C.

Bị đơn ông Võ Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của bà C nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/02/2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 310.200.000 đồng. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Võ Ngọc T phải trả cho nguyên đơn số tiền 155.100.000 đồng (1/2). Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Thị M, ông Võ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M thừa nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng. Ông Võ Ngọc T là con ruột của bà M. Giữa bà C, bà M, ông T có mối quan hệ quen biết đã lâu, cư trú cùng xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà C có làm chủ

các dây hụi (huê, họ), bà M có tham gia chơi hụi (con hụi) là đúng, các bên đã xác nhận sự việc này.

Tại *"Giấy giao tiền huê"* giao tiền ngày 25/01/2023 âm lịch và *"giấy huê"* khui ngày 20/5/2022 âm lịch thể hiện: Khui ngày 20/5/2022 âm lịch, hụi tháng, số tiền đóng 10.000.000 đồng/tháng, gồm 27 chân, chủ hụi bà C 01 chân, còn lại 26 chân khác, hụi hoa hồng, ai trả hụi cao người đó được hốt, các chân hụi còn lại đóng hụi trừ đi số tiền bỏ hụi. Dây hụi này bà M chơi 01 chân (số thứ tự 14). Sau khi đóng chết được 08 tháng thì bà M hốt hụi. Bà C đã chồng tiền huê cho bà M như sau: 08 chân chết x 10.000.000 đồng/tháng= 80.000.000 đồng, 18 chân sống x 7.300.000 đồng (bà M bỏ hụi 2.700.000 đồng)= 131.400.000 đồng, trừ hoa hồng cho bà C là 3.000.000 đồng, thực nhận 208.400.000 đồng. Người nhận bà M ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị M", con là ông T ký, ghi "Võ Ngọc T". Dây hụi này về số chân hụi, số tiền nhận đều được bà C, bà M xác nhận. Sau khi hốt chết, bà C thừa nhận bà M đóng thêm được cho bà C 04 tháng kế tiếp thành tiền là 40.000.000 đồng. Bà C đồng ý cấn trừ số tiền này vào số nợ cho bà M.

Tại "*Giấy giao tiền hụi"* ngày 16/4/2023 âm lịch và *"giấy huê"* khui ngày 10/3/2023 âm lịch thể hiện: Khui ngày 10/3/2023, hụi tháng, số tiền đóng 10.000.000 đồng/tháng, gồm 22 chân, chủ hụi bà C 01 chân, còn lại 21 chân khác, hụi hoa hồng, ai trả huê cao thì được hốt, các chân hụi còn lại đóng hụi trừ đi số tiền bỏ hụi. Dây hụi này bà M chơi 01 chân huê (số thứ tự 22). Sau khi đóng chết được 01 tháng thì bà M hốt hụi. Bà C đã chồng tiền hụi cho bà M như sau: 01 chân chết x 10.000.000 đồng/tháng= 10.000.000 đồng, 20 chân sống x 6.740.000 đồng (bà M bỏ hụi 3.260.000 đồng)= 134.800.000 đồng, trừ hoa hồng cho bà C là 3.000.000 đồng, thực nhận 141.800.000 đồng. Người nhận bà M ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị M", con là ông T ký, ghi "Võ Ngọc T". Dây hụi này về số chân hụi, số tiền nhận đều được bà C, bà M xác nhận.

Như vậy sự việc bà M tham gia chơi 02 chân hụi của 02 dân hụi như trên là có thật. Bà C cung cấp được giấy hụi có tên bà M, giấy giao tiền hụi, tổng số tiền hụi gốc bà C đã giao cho bà M là 310.200.000 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ cho bà C:

Sau khi hốt hụi, bà M không thực hiện đóng hụi chết hàng tháng tiếp theo cho bà C cho đến khi kết thúc các dây hụi. Do bà M là người đứng tên trong danh sách chơi hụi, bà M ký giấy nhận tiền hụi nên cần buộc bà M chịu Th nhiệm cá nhân. Về việc ông T con bà M có ký tên, ghi họ tên nhưng ông T có ghi rõ là "con" chứ không phải người nhận, ông T và bà M không có nghĩa vụ chung hợp nhất trả số nợ trên mà cần buộc cá nhân bà M chịu Th nhiệm trả nợ cho bà C.

Về việc bà M trình bày có cấn trừ nghĩa vụ đóng hụi của chân hụi trong dây hụi ngày 10/3/2023 âm lịch cho bà Tự (Nguyễn Thị B- Thôn 9, xã LT, huyện B) nhưng bà C không thừa nhận, không đồng ý. Còn đối với chân hụi của dây hụi khui ngày 20/5/2022 âm lịch bà M cho rằng đã đóng hụi gần hết, chỉ thiếu lại 35.000.000

đồng nhưng không có căn cứ gì để chứng minh là đã đóng hụi cho bà C vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

Vì vậy cần buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền hụi còn nợ là 310.200.000 đồng. Bà C không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.510.000 đồng (310.200.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với bà Nguyễn Thị M, ông Võ Ngọc T về việc "*Tranh chấp về hụi (huê, họ)".*

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 310.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 15.510.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy